

BẢO VỆ NGƯỜI DỄ BỊ TỔN THƯƠNG BẰNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM LỊCH SỬ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG KỈ NGUYÊN MỚI

LÊ THỊ DIỄM HẰNG *

Tóm tắt: Người dễ bị tổn thương luôn là một trong những nhóm người được ưu tiên hỗ trợ tại Việt Nam và pháp luật hình sự là một trong những thể chế quan trọng giúp nhà nước bảo vệ các quyền của nhóm người này, cả khi họ là người phạm tội hoặc nạn nhân của tội phạm. Bài viết tập trung phân tích các quy định của pháp luật hình sự trong bảo vệ người dễ bị tổn thương, từ trước lần pháp điển năm 1985 đến sự phát triển trong Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự năm 2015. Trên cơ sở những nghị quyết quan trọng của Bộ Chính trị trong xây dựng kỉ nguyên mới của Việt Nam, bài viết đưa ra một số định hướng nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương bằng pháp luật hình sự thông qua các đề xuất hoàn thiện pháp luật.

Từ khóa: Người dễ bị tổn thương; pháp luật hình sự; Bộ luật Hình sự; lịch sử; kỉ nguyên mới

Nhận bài: 10/7/2025

Hoàn thành biên tập: 29/01/2026

Duyệt đăng: 29/01/2026

PROTECTING VULNERABLE PERSONS UNDER VIETNAMESE CRIMINAL LAW -
HISTORY AND ORIENTATION FOR DEVELOPMENT IN THE NEW ERA

Abstract: Vulnerable persons have always been among the groups prioritised for support in Vietnam, and criminal law serves as one of the key legal frameworks through which the State protects the rights of this group-both as offenders and victims of crime. This article analyses the provisions of criminal law related to the protection of vulnerable persons, from before the codification in 1985 to its development in the 1985 Penal Code, the 1999 Penal Code, and the 2015 Penal Code. Based on key Resolutions of the Politburo regarding the building of a new era in Vietnam, the article proposes several major directions for improving the protection of the rights of vulnerable persons through criminal law.

Keywords: Vulnerable persons; criminal law; Penal Code; history; new era

Received: 10 July 2025; Editing completed: 29 January 2026; Accepted for publication: 29 January 2026

1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang bước vào kỉ nguyên mới của dân tộc - kỉ nguyên phát triển và giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu¹. Để đạt được mục

tiêu này, Nhà nước cần đảm bảo “không ai bị bỏ lại phía sau”, đặc biệt những người dễ bị tổn thương - nhóm người có những đặc điểm cá nhân khiến họ có nguy cơ cao dễ bị

mới, kỉ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỉ nguyên mới, kỉ nguyên vươn mình của dân tộc, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie, truy cập 22/4/2025.

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

E-mail: hangltd@hlu.edu.vn

¹ Tô Lâm (2024), Một số nội dung cơ bản về kỉ nguyên

xâm phạm hoặc hạn chế quyền và được pháp luật liên quan đến quyền con người ghi nhận cần được bảo vệ đặc biệt². Pháp luật hình sự - với vai trò là chốt chặn cuối cùng để nhà nước bảo vệ quyền con người, cũng cần có những đột phá trong bảo vệ quyền con người của người dễ bị tổn thương, cả khi họ là nạn nhân của tội phạm hay người phạm tội.

Việc nghiên cứu về bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương bằng pháp luật hình sự là cần thiết khi quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta là ghi nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ con người nói chung cũng như người dễ bị tổn thương nói riêng (Điều 14 Hiến pháp năm 2013). Tuy nhiên, với số lượng người dễ bị tổn thương hiện nay ở Việt Nam không hề nhỏ, trên thực tế, tỉ lệ khi họ là nạn nhân của tội phạm có xu hướng gia tăng và khi họ là người phạm tội lại chưa nhận được những sự “ưu tiên tư pháp” cần thiết trong đường lối xử lí hình sự³. Ngoài ra, nhóm đối tượng này luôn được ưu tiên bảo vệ trong các văn kiện pháp lí quốc tế. Việt Nam - trong những năm qua, với vị thế là một trong những quốc gia tiên phong thực hiện các cam kết quốc tế về tư pháp hình sự cũng cần có những đánh giá khách quan trong việc bảo vệ quyền của các nhóm người dễ bị tổn thương.

Trong lịch sử, “tình dân tộc, nghĩa đồng bào”, “tương thân tương ái”, “lá lành đùm lá rách, kính trên nhường dưới” là truyền thống

nhân đạo quý báu của dân tộc ta từ xưa đến nay, đặc biệt đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, thiệt thòi. Truyền thống tốt đẹp này của dân tộc được thể hiện qua các câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ - là những chuẩn mực đạo đức được truyền từ nhiều đời xưa: “Nhiều điều phủ lấy giá gương/Người trong một nước phải thương nhau cùng”. Hoặc trong các hương ước, khoán ước (hay còn gọi nôm na là lệ làng) song hành với pháp luật cũng có những quy định nhằm bảo vệ người dễ bị tổn thương, “*phát huy sức mạnh của tình đoàn kết, tương thân, tương ái trong cộng đồng*”⁴.

Truyền thống đó cũng được thể hiện qua chính sách và quy định của pháp luật hình sự ở các thời kì, đặc biệt từ sau khi nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà được khai sinh năm 1945, một nhà nước kiểu mới - nhà nước thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân⁵, quan điểm này ngày càng được phát huy và coi trọng. Trong lĩnh vực luật hình sự, dựa trên tính phổ biến của nhóm người dễ bị tổn thương, dưới góc độ lịch sử lập pháp từ khi pháp luật được thừa nhận trong các nhà nước của Việt Nam, truyền thống văn hoá dân tộc cũng như quy định đối tượng được bảo vệ rõ nét trong Bộ luật Hình sự (BLHS) hiện hành năm 2015, có thể khái quát với bốn nhóm

² Lê Thị Diễm Hằng (2023), *Bảo vệ người dễ bị tổn thương bằng pháp luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 40.

³ Lê Thị Diễm Hằng, *tlđd*, tr. 2.

⁴ Thu Hằng (2015), *Hương ước, quy ước góp phần bài trừ thủ tục lạc hậu*, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo.aspx?ItemID=2461>, truy cập 22/4/2025.

⁵ Đặng Công Thành, Nguyễn Quang Bình (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân ở Việt Nam*, <https://tcnn.vn/news/detail/63115/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-Nha-nuoc-cua-Nhan-dan-do-Nhan-dan-va-vi-Nhan-dan-o-Viet-Nam.htm>, truy cập 22/4/2025.

người cơ bản: phụ nữ, trẻ em⁶, người khuyết tật, người cao tuổi⁷. Đây là nhóm được bảo vệ đặc biệt trong pháp luật hình sự qua các thời kì lịch sử và là một trong những nhóm người cần được quan tâm bảo vệ hiện nay.

Bài viết sử dụng đa dạng các cách tiếp cận đa ngành, liên ngành: kết hợp chuyên ngành luật hình sự với cách tiếp cận dựa trên quyền con người, chính sách pháp luật hình sự. Trong đó, phương pháp chủ đạo là phân tích, đánh giá, so sánh các quy định của pháp luật hình sự qua các thời kì nhằm thể hiện sự kế thừa và phát triển; so sánh pháp luật một số quốc gia, chuẩn mực quốc tế... làm cơ sở đề xuất các giải pháp cho Việt Nam trong việc bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương bằng pháp luật hình sự Việt Nam.

2. Khái quát lịch sử phát triển pháp luật hình sự Việt Nam về bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương trước năm 1985

Có thể nói, tinh thần bảo vệ người dễ bị tổn thương bằng pháp luật hình sự có sự khởi nguồn từ lịch sử ngàn đời, mặc dù những hình phạt các thời kì này có phần hà khắc nhưng vẫn tồn tại các quy định nhân đạo hướng đến nhóm người này. Trong các nhà nước phong kiến, từ thời nhà Lý, mặc dù Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta - Hình thư hiện không còn nữa, tuy nhiên qua một số chiếu do các vua Lý ban trong thời gian này cũng đã thể hiện một phần chính sách nhân đạo của nhà nước Việt Nam đối với một số nhóm người dễ bị tổn thương. Cụ thể như năm 1042 Lý Thái Tông xuống

chiếu cho “*những người từ 70 tuổi trở lên, 80 tuổi trở xuống, từ 10 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người ốm yếu... phạm tội thì cho chuộc bằng tiền...*”⁸. Quy định này vẫn được kế thừa tại các bộ luật thời kì sau đó như tại Điều 14, Điều 16 Bộ luật Hồng Đức, Luật hình Hoàng Việt.

Một trong những đỉnh cao của nền lập pháp thời đại phong kiến của Việt Nam đó là Luật hình triều Lê (hay còn gọi là Quốc triều hình luật, Bộ luật Hồng Đức). Giá trị nhân văn, tiến bộ trong tư tưởng thời Lê sơ được hình thành trên cơ sở kế thừa các giá trị nhân văn của thời Lý - Trần và tiếp tục vận dụng những giá trị nhân văn của Phật giáo, Nho giáo vào thực tiễn đất nước⁹. Trong lĩnh vực hình sự, nơi chịu sự chi phối mạnh nhất của triết lí Nho giáo thì các nhà lập pháp triều Lê vẫn dành cho phụ nữ, trẻ em và cả người già, người tàn tật những chính sách khoan hồng, nhân đạo đặc biệt. Những chính sách đó đã thể hiện được tinh thần nhân đạo và truyền thống đạo lí của dân tộc Việt Nam là kính già, yêu trẻ, tôn trọng phụ nữ, cứu mạng và đùm bọc người tàn tật¹⁰.

Luật Hình triều Lê đã có những quy định nhằm bảo vệ người dễ bị tổn thương là nạn nhân của tội phạm. Có thể kể đến tại chương “Thông gian”, tội gian dâm với vợ người khác hay quyến rũ con gái chưa chồng đều bị xử tội đồ hay lưu và phải nộp tiền tạ, kẻ dắt

⁶ Cách tiếp cận trong bài viết, trẻ em là người dưới 18 tuổi theo Công ước về Quyền trẻ em.

⁷ Lê Thị Diễm Hằng, tldđ, tr. 41.

⁸ Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr. 21.

⁹ Hội Luật gia Việt Nam (2017), *Luật hình triều Lê - Những giá trị nhân văn*, Nxb. Hồng Đức, tr. 61.

¹⁰ Lương Văn Tuấn (2012), “Kế thừa các quy định tiến bộ, nhân văn đối với những người bị thiệt thòi trong Quốc triều hình luật”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 3(211), tr. 22.

mỗi cũng phải chịu tội. Ngoài ra, Điều 404 quy định “*Gian dâm với con gái nhỏ từ 12 tuổi trở xuống, dù người con gái thuận tình, cũng xử tội như tội hiếp dâm*”¹¹... Hoặc tại Điều 409, những đối tượng ngục quan, ngục lại có hành vi gian dâm với đàn bà, con gái có việc kiện thì xử tội nặng hơn gian dâm thường một bậc; còn nạn nhân nếu thuận tình thì giảm tội ba bậc, bị cưỡng ép thực hiện hành vi giao cấu thì không xử tội đối với nạn nhân. Trong trường hợp người đau ốm, lang thang, cơ nhỡ, không nơi nương tựa, phát huy truyền thống nhân đạo của dân tộc, Quốc triều Hình luật định rõ trách nhiệm của quan lại phải thực hiện việc giúp đỡ họ. Nếu quan lại mà bỏ mặc, hoặc ăn bớt cơm áo được cấp của những người này, họ sẽ phải tội biếm, bãi chức hoặc xử đánh roi hoặc phải tội như người giữ kho ăn trộm của công (Điều 294, Điều 295).

Đối với người dễ bị tổn thương là người phạm tội, Bộ luật Hồng Đức có nhiều chế định có lợi cho người phạm tội. Có thể kể đến như việc áp dụng hiệu thực thời gian được quy định tại Điều 17: “*Khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật việc mới bị phát giác, thì xử tội theo luật già cả, tàn tật... Khi còn bé nhỏ phạm tội, đến khi lớn mới phát giác, thì xử tội theo luật khi còn nhỏ*”. Đặc biệt, các chế định liên quan đến hình phạt thể hiện rõ nét nhất chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự thời kì này đối với người phạm tội là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật. Cụ thể tại Điều 16 Quốc triều Hình luật quy định: “*Những trường hợp phạm tội ở độ tuổi từ 80*

tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và đáng bị tử hình phải tâu lên Vua xét định, còn người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống, đều có bị kết án tử hình cũng không được hành hình”; không áp dụng trượng hình (đánh trượng) đối với phụ nữ; với hình phạt đồ hình (tức là bắt làm việc nặng nhọc), công việc phụ nữ được quy định nhẹ hơn so với nam giới; với hình phạt lưu hình (đi đày), người phụ nữ cũng không phải đeo xiềng. Bộ luật Hồng Đức cũng có chế định riêng liên quan đến bảo vệ phụ nữ có thai, theo đó, tại Điều 680 quy định: “*Đàn bà phải tội tử hình trở xuống, nếu đang có mang thì phải để sinh đẻ sau một trăm ngày mới đem hành hình... Sau khi sinh đẻ chưa đủ 100 ngày mà đem thi hành xuy hình, thì chiếu theo tội lúc chưa sinh mà giảm cho một bậc*”.

Luật Hình sự Việt Nam thời kì thực dân Pháp xâm lược, với chính sách “chia để trị”, Việt Nam bị chia làm ba xứ với ba chế độ và ba văn bản pháp luật khác nhau. Cụ thể theo Sắc luật ngày 31/12/1912 của Toàn quyền Đông Dương đã sửa đổi 56 điều của BLHS Pháp thành Hình luật canh cải và cho áp dụng tại Nam kì. Ở Bắc kì, Nghị định ngày 02/12/1921 của Toàn quyền Đông Dương đã cho áp dụng Luật hình An Nam. Ở Trung kì, bằng Dụ số 43 ngày 31/7/1933 của Vua Bảo Đại, Hoàng Việt hình luật (Luật hình Hoàng Việt) được ban hành¹². Tuy nhiên, “Luật hình An Nam không có gì khác biệt lớn so với Hình luật canh cải về mặt nội dung¹³”, còn Hoàng Việt hình luật “về thực chất, chủ yếu là sao chép lại Hình luật canh cải”.

¹¹ Lương Văn Tuấn (2012), tldd, tr. 22.

¹² Trần Quang Tiệp (2003), tldd, tr. 67.

¹³ Trần Quang Tiệp (2003), tldd, tr. 72.

Do đó, có thể khẳng định, pháp luật thời kì này cơ bản thống nhất trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Tuy nhiên, đánh giá khách quan, một số chính sách bảo vệ người dễ bị tổn thương cũng đã được thể hiện trong pháp luật hình sự thời kì này. Một số hành vi xâm phạm đến người dễ bị tổn thương được quy định là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự với hình phạt nghiêm khắc như: hành vi đầu độc hay các cách khác làm trụ thai, hay toan làm trụ thai (Điều 289 Hoàng Việt hình luật); mục thứ IV – Thông gian - Cưỡng gian – Tư thông với đàn bà con gái - Hôn gia trùg điệp thuộc Chương XXI- Các tội (đại hình và trùg trị) xâm phạm đến thân phận cá nhân, đáng chú ý như hành vi gian dâm với *“bất kì người đàn ông hay đàn bà có chứng điên cuồng, hoặc bị câu cấm, hoặc si ngốc, hoặc có chứng kinh phong, hoặc có chứng tà kinh, hiện ở một bệnh viện công hay tư chuyên trị về não bệnh...”* (Điều 302 Hoàng Việt hình luật) hoặc phạm gian với người con gái chưa đến 15 tuổi (Điều 303 Hoàng Việt hình luật)...

Việc bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương khi họ là người phạm tội trong thời kì này cũng đã được ghi nhận, có thể ví dụ như trách nhiệm hình sự *“những người điên và những người si có phạm tội mà xét rõ là đương khi phạm pháp thật hiện điên si, thời không phải chịu tội về mặt hình”* (Điều 74 Hoàng Việt hình luật). Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự *“phạm người nào phạm tội mà khi sự phát mới đầy 10 tuổi trở xuống, hoặc đã 90 tuổi trở lên, thời khỏi phải chịu tội về mặt hình...”* (Điều 84 Hoàng Việt hình luật). Luật hình Hoàng Việt cũng quy định

một chương riêng tại Tiết thứ 5 chương X *“Thể lệ riêng thuộc về người ấu tiếu, người già và người tàn tật”*. Cụ thể, người từ đủ 10 tuổi nhưng chưa đến 16 tuổi thì không áp dụng tội tử, tội khổ sai chung thân hoặc tội phạt lưu mà chỉ tối đa là câu giam 20 năm (Điều 85 Hoàng Việt hình luật). Những người từ 70 tuổi trở lên và những người có tật hoặc đốc tật đều được lược giảm về hình phạt (Điều 87 Hoàng Việt hình luật).

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, do bối cảnh lịch sử của 10 năm đầu tiên (1945-1955), nhân dân ta phải thực hiện cùng một lúc hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của chế độ mới, bao gồm: bắt tay vào công cuộc xây dựng cơ sở của chế độ mới và củng cố chính quyền non trẻ; đồng thời phải tiến hành cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1946-1954) chống thực dân Pháp xâm lược, mưu toan phục hồi lại ách đô hộ thực dân của chúng ở Việt Nam. Do đó, theo Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà *“Về việc tạm thời áp dụng các đạo luật đã hiện hành đến trước khi ban hành các bộ luật thống nhất của cả nước”* thì ba Bộ luật Hình sự trước Cách mạng tháng Tám như đã nêu trên vẫn tiếp tục được giữ hiệu lực pháp lí nhưng các quy định không được trái với nguyên tắc độc lập và chính thể của chế độ mới¹⁴. Do đó, có thể nhận xét, những quy định mang tính nhân đạo đối với người dễ bị tổn thương vẫn được giữ nguyên trong thời kì này.

¹⁴ Lê Cẩm (2018-Chủ biên), *Pháp luật hình sự Việt Nam từ thế kỉ X đến nay - lịch sử và thực tại* (Sách chuyên khảo), Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 99 - 102.

Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng nhưng miền Nam tạm thời lại bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị. Tình hình đó đã hình thành ở nước ta hai khu vực có chế độ chính trị và xã hội khác nhau. Ở miền Bắc, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, gây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước; ở miền Nam, tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà¹⁵.

Tại miền Bắc, trong thời kì này, chưa có một bộ luật chính thức quy định về tội phạm và hình phạt. Nguồn chủ yếu của pháp luật hình sự thời kì này là các sắc lệnh của Nhà nước, chỉ thị, thông tư, báo cáo tổng kết công tác, bản sơ kết chuyên đề... của Tòa án nhân dân tối cao¹⁶. Đối với người dễ bị tổn thương là nạn nhân của tội phạm, trong một số văn bản pháp luật trong hệ thống luật thời kì này đã có quy định về các tội hoặc thực tiễn xét xử xem hành vi phạm tội đối với nhóm người này là những tình tiết tăng nặng đặc biệt khi xử lí một số tội phạm. Có thể kể đến như hành vi giết phụ nữ mà biết là có thai, giết người vị thành niên được xem là những tình tiết tăng nặng đặc biệt; trong khi đó, giết người hủi, người điên, người tàn tật với động cơ chủ yếu là muốn tránh khổ sở cho người bị nạn là cơ sở để có thể áp dụng án treo¹⁷. Một

trong những văn bản có giá trị tham khảo rất lớn thời kì này đó là Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số tội phạm khác về mặt tình dục số 329-HS2 năm 1967 của Tòa án nhân dân tối cao. Văn bản này đã khẳng định: “*Một mặt quan trọng của việc bảo vệ và tôn trọng đó là mặt tình dục thể hiện ở chỗ người phụ nữ có quyền tự mình định đoạt vấn đề tình dục theo tình yêu và danh dự của mình, không ai có quyền cưỡng ép; các em thiếu nhi có quyền được trưởng thành bình thường, khỏe mạnh, danh dự bảo toàn*”¹⁸. Bên cạnh đó, lợi dụng tình trạng nạn nhân không thể tự vệ hoặc biểu lộ ý chí đúng đắn để hiếp dâm như bị đau ốm liệt nhược, bị lên cơn điên dại cũng được xem là tình tiết định tội hiếp dâm¹⁹, qua đó nhằm bảo vệ người dễ bị tổn thương là người khuyết tật, đặc biệt là người khuyết tật tâm thần. Ngoài ra, về đường lối xử lí về hình sự, những hành vi vi phạm luật hôn nhân và gia đình cũng thể hiện rất rõ trong việc bảo vệ đối tượng là phụ nữ và trẻ em, có thể kể đến như quy định về hành vi tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lấy nhiều vợ, lấy vợ lẽ, đánh đập hoặc ngược đãi vợ; đánh đập ngược đãi con, ngược đãi bố mẹ, loạn luân, bắt cóc trẻ em...

Với người dễ bị tổn thương là người phạm tội, tại miền Bắc cũng đã có những quy định nhằm bảo vệ người dễ bị tổn thương là chủ thể của tội phạm, thể hiện sự phân hoá trách nhiệm hình sự. Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, chỉ xem xét độ tuổi từ

¹⁵ Trần Quang Tiệp, tldđ, tr. 93.

¹⁶ Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự*, Hà Nội, Lời giới thiệu.

¹⁷ Tòa án nhân dân tối cao, tldđ, tr. 345 - 355.

¹⁸ Tòa án nhân dân tối cao, tldđ, tr. 389.

¹⁹ Tòa án nhân dân tối cao, tldđ, tr. 391.

14 tuổi²⁰; với lứa tuổi từ 14 tuổi đến 16 tuổi chỉ nên truy tố, xét xử trong những trường hợp phạm các loại tội nghiêm trọng; đối với lứa tuổi từ 16 đến 18, nếu hành vi phạm pháp có tính chất tương đối nghiêm trọng, nói chung cần xét xử nhưng so với người lớn, cần xử nhẹ hơn. Hoặc tại bản Tổng kết số 452-HS2 ngày 10/8/1970 đã nhấn mạnh khi xử phạt can phạm từ 14 tuổi trở lên “*cần xử nhẹ hơn với người đã lớn... chỉ nên từ khoảng 15 năm tù trở xuống... và không nên áp dụng mức án tử hình*”²¹. Ngoài ra, hành vi giết trẻ sơ sinh²² đã được quy định là một tình tiết giảm nhẹ đặc biệt của tội giết người nhằm bảo vệ người mẹ “*đã bắt đết dĩ phải giết đứa con của mình*”²³.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất. Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách hơn trong việc phục hồi kinh tế và phát triển đất nước sau chiến tranh, pháp luật hình sự Việt Nam vẫn chưa được pháp điển hoá trong một văn bản pháp luật thống nhất. Về cơ bản, các văn bản pháp luật trước đó vẫn có hiệu lực thi hành và chính sách nhân đạo đối với người dễ bị tổn thương vẫn được bảo đảm như việc xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên phạm tội hoặc phạm tội đối với những người cần chú ý bảo vệ về lí do đạo đức, nhân đạo: trẻ em, người già, người ốm đau... là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự²⁴...

3. Sự kế thừa và phát triển trong bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 và Bộ luật Hình sự năm 1999

Ngày 27/6/1985, trước yêu cầu cần pháp điển hoá trong lĩnh vực hình sự, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua BLHS năm 1985. “*Bộ luật này kế thừa và phát triển Luật hình sự của nhà nước ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay, tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở nước ta trong mấy chục năm*”²⁵ và Bộ luật đã trở thành nguồn cơ bản của luật hình sự Việt Nam. BLHS năm 1985 được ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/1986, được sửa đổi, bổ sung bốn lần vào các năm 1989, 1991, 1992 và 1997. Trong đó, lần sửa đổi năm 1997 có sự chú trọng đến một số tội phạm với người chưa thành niên cũng như quan tâm đến một số nhóm người dễ bị tổn thương khác, đã tạo những bước bản lề cho việc xây dựng BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) sau này.

Kế thừa truyền thống nhân đạo vốn có, trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999, hành vi phạm tội đối với người dễ bị tổn thương là tình tiết định tội, định khung của nhiều tội phạm hoặc có thể được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (điểm e khoản 1 Điều 39 BLHS năm 1985; khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999).

Đối với việc bảo vệ một số quyền cơ bản của nhóm người dễ bị tổn thương, trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 đã có sự kế thừa những quy định của các văn bản pháp luật thời kì trước, đồng thời có những

²⁰ Quyết định số 217-TTg-NC ngày 18/12/1967 của Thủ tướng Chính phủ.

²¹ Tòa án nhân dân tối cao, tldđ, tr. 118.

²² Chỉ thị số 01-NCCS ngày 14/3/1963 của Tòa án nhân dân tối cao.

²³ Tòa án nhân dân tối cao, tldđ, tr. 349.

²⁴ Công văn số 38.NCPL ngày 16/1/1976 của Tòa án nhân dân tối cao.

²⁵ Lời nói đầu Bộ luật Hình sự năm 1985.

bổ sung cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. BLHS năm 1985 mặc dù là lần pháp điển hoá đầu tiên nhưng đã ghi nhận những quyền cơ bản của người dễ bị tổn thương như quyền sống tại Điều 101 quy định tội giết người, “giết phụ nữ mà biết là có thai” được xác định là tình tiết định khung tăng nặng (điểm n khoản 1) và đến BLHS năm 1999 bổ sung tình tiết giết trẻ em (điểm c khoản 1 Điều 93) với mức hình phạt nghiêm khắc, thậm chí có thể là tử hình. Bên cạnh đó, giết trẻ em trong vòng 07 ngày tuổi được quy định là tình tiết định khung (khoản 4 Điều 101 BLHS năm 1985) hoặc tình tiết định tội (Điều 94 BLHS năm 1999). Ngoài ra, đe dọa giết trẻ em cũng được xem là tình tiết định khung tăng nặng tại điểm c khoản 2 Điều 103 BLHS năm 1999. Đối với quyền được bảo đảm về sức khỏe, cả 04 nhóm người: người già, trẻ em, phụ nữ có thai hoặc người tàn tật đều được ghi nhận là tình tiết định tội hoặc định khung tăng nặng tại điểm d khoản 1 Điều 104 (Tội cố ý gây thương tích và gây tổn hại cho sức khỏe của người khác) và điểm a khoản 2 Điều 110 (Tội hành hạ người khác) BLHS năm 1999. Quyền tự do về thân thể cũng là một quyền được lưu ý trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 khi cả hai bộ luật đều ghi nhận hành vi mua bán phụ nữ hoặc hành vi mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em là hành vi phạm tội phải bị nghiêm trị, với mức hình phạt có thể là tù chung thân (Điều 115, Điều 149 BLHS năm 1985; Điều 119, Điều 120 BLHS năm 1999).

Quyền bất khả xâm phạm về tình dục, tiếp nối truyền thống lập pháp của các quy định thời kì trước, là quyền được chú ý trong cả hai BLHS khi có nhiều quy định nhằm

bảo vệ người dễ bị tổn thương. Theo quan điểm của phần lớn nghiên cứu thì nạn nhân chính của nhóm tội phạm này vẫn là phụ nữ và trẻ em²⁶. Theo đó, hành vi phạm tội đối với các đối tượng tác động này có thể là tình tiết định tội hoặc định khung tăng nặng trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999.

Ngoài ra, một số quyền đặc thù như quyền bình đẳng đối của phụ nữ đã được ghi nhận tại Điều 125 BLHS năm 1985 và tiếp tục được kế thừa tại Điều 130 BLHS năm 1999. Đặc biệt, BLHS năm 1999 lần đầu tiên ghi nhận tội phá thai trái phép (Điều 243) nhằm bảo vệ sức khỏe sinh sản cho phụ nữ. Bên cạnh đó, cả hai bộ luật đều có một chương riêng quy định về nhóm tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, với đối tượng chính được hướng đến là phụ nữ và trẻ em.

Đối với trẻ em, bảo vệ quyền được phát triển lành mạnh của trẻ em được BLHS ghi nhận khi quy định cụ thể hành vi xúi giục, lôi kéo trẻ em phạm tội là tình tiết định tội (Điều 148 BLHS năm 1985; Điều 252 BLHS năm 1999) hoặc tình tiết định khung tăng nặng, đặc biệt trong nhóm các tội phạm về ma túy; hoặc hành vi truyền bá văn hoá phẩm đồi trụy trong BLHS năm 1999 (Điều 253); hành vi tổ chức tảo hôn, tảo hôn là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó, hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng đã được tội phạm hoá trong BLHS năm 1999 với đối tượng tác động chủ yếu là trẻ em hoặc hành vi vi phạm sử dụng lao động trẻ

²⁶ Bùi Thị Quyên (2013), *Tội hiếp dâm - So sánh giữa Bộ luật Hình sự Việt Nam và Bộ luật Hình sự một số nước*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 5, 6.

em cũng có thể được xem là tình tiết định khung tăng nặng.

Kế thừa những giá trị tốt đẹp của những quy định pháp luật trước đó, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 cũng đã có những quy định nhằm bảo vệ người dễ bị tổn thương là người phạm tội. Ngay từ Điều 3 BLHS năm 1999 đã quy định về nguyên tắc xử lý, theo đó, *“mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ,... thành phần, địa vị xã hội”*. Đây là lần đầu tiên pháp luật hình sự ghi nhận quyền bình đẳng của con người, trong đó có nhóm người dễ bị tổn thương khi xử lý họ có hành vi phạm tội. Tuy nhiên, sự bình đẳng ở đây không phải bình đẳng về hình thức, là “cào bằng” xử lý người phạm tội như nhau mà phải dựa trên những đặc thù khác nhau của người phạm tội để xem xét và cân nhắc áp dụng, tạo nên sự bình đẳng thực chất. Do đó, ngay trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 đã có những quy định riêng áp dụng cho người dễ bị tổn thương, thể hiện nguyên tắc nhân đạo và bình đẳng của pháp luật hình sự.

Trước hết, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 đều ghi nhận người phạm tội có những tình tiết về nhân thân như: phụ nữ có thai, người già, người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (Điều 38 BLHS năm 1985; Điều 46 BLHS năm 1999).

Đối với phụ nữ là người phạm tội, đối tượng được bảo vệ đặc biệt thường là phụ nữ đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ. Cụ thể, không áp dụng hoặc thi hành hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Điều 35

BLHS năm 1999). Quy định này tích cực và nhân đạo hơn khi mở rộng đối tượng phi hình phạt tử hình so với BLHS năm 1985²⁷. BLHS năm 1999 cũng ghi nhận phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi là căn cứ để xét hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Hành vi giết con mới đẻ được xem là một tình tiết giảm nhẹ của tội giết người (khoản 4 Điều 101 BLHS năm 1985) và đến BLHS năm 1999 được tách riêng thành một điều luật (Điều 94).

Đối với trẻ em phạm tội là nhóm người nhận được nhiều sự quan tâm, thể hiện qua việc ngay trong lần pháp điển hoá đầu tiên năm 1985 và lần pháp điển tiếp theo thì vấn đề xử lý nhóm chủ thể phạm tội này đã được nhà làm luật xây dựng thành một chương riêng mang tính tập trung là Chương VII BLHS năm 1985 với 11 điều (từ Điều 57 đến Điều 67) và Chương X BLHS năm 1999 với 10 điều (từ Điều 68 đến Điều 77)²⁸. Cả hai bộ luật đều thống nhất độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là từ 14 tuổi trở lên và đều quy định các nguyên tắc cơ bản về xử lý những hành vi phạm tội của trẻ em (Điều 59 BLHS năm 1985; Điều 69 BLHS năm 1999), đặc biệt đến BLHS năm 1999 đã có những quy định có lợi hơn cho người phạm tội như bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính, mức hình phạt tối đa người phạm tội là người chưa thành niên phải chịu thấp hơn so với

²⁷ Điều 27 BLHS năm 1999 chỉ không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai và hoãn tử hình đối với phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng.

²⁸ Vũ Thị Phượng (2020), *Bảo vệ quyền con người của trẻ em bằng pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, tr. 128.

BLHS năm 1985 là 18 năm (Điều 64 BLHS năm 1985 và Điều 74 BLHS năm 1999).

Khi người phạm tội là người khuyết tật, mặc dù chưa rõ nét nhưng trong BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 cũng đã bắt đầu có những quy định nhằm bảo vệ nhóm người dễ bị tổn thương này. Cụ thể, với những người bị khuyết tật thần kinh, tâm thần, cả hai bộ luật đều ghi nhận họ không phải chịu nhiệm hình sự khi phạm tội mà ở trong tình trạng không có khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (Điều 12 BLHS năm 1985; Điều 13 BLHS năm 1999); hoặc nếu chỉ dẫn đến hạn chế khả năng này được xác định là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đối với những người mắc bệnh theo khoản 1 Điều 12 BLHS năm 1985 hoặc khoản 1 Điều 13 BLHS năm 1999 được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 35 BLHS năm 1985 và Điều 44 BLHS năm 1999 đến khi khỏi bệnh và thời gian chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù (được quy định tại Điều 36 BLHS năm 1985 và Điều 45 BLHS năm 1999). Ngoài ra, trong trường hợp người phạm tội mắc bệnh dẫn đến khuyết tật và không còn nguy hiểm cho xã hội nữa là căn cứ để miễn chấp hành hình phạt và giảm mức hình phạt đã tuyên, hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (Điều 51 BLHS năm 1985; các điều 57, 58, 59, 61, 62 BLHS năm 1999).

Với người cao tuổi phạm tội, BLHS năm 1985 và BLHS năm 1999 đều dùng thuật ngữ là “người già”, tuy nhiên không quy định rõ độ tuổi để xác định. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nội dung đã phân tích ở trên, với tư cách là người phạm tội, trong BLHS năm 1985 và BLHS

năm 1999 chỉ xem xét là căn cứ giảm thời hạn chấp hành hình phạt, cụ thể giảm sớm hơn hoặc mức cao hơn so với các trường hợp thông thường (Điều 51 BLHS năm 1985; Điều 59 BLHS năm 1999).

4. Sự kế thừa và phát triển trong bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015

BLHS năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/11/2015, được sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025. Theo phần lớn quan điểm hiện nay, BLHS năm 2015 được coi là nguồn duy nhất của ngành luật hình sự Việt Nam (nguồn quy định tội phạm và hình phạt)²⁹, tiếp nối chính sách hình sự của các thời kì trước đã thể hiện rõ nét chính sách bảo vệ người dễ bị tổn thương của nhà nước Việt Nam.

Điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 tiếp tục quy định: “*phạm tội đối với phụ nữ có thai*”; “*phạm tội đối với người dưới 16 tuổi*”; “*phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự chung áp dụng đối với mọi tội phạm. Hoặc “*người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức*” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

BLHS năm 2015 đã bảo vệ người dễ bị tổn thương là nạn nhân của tội phạm khi quy định hành vi xâm phạm đối tượng này tình tiết định tội của một số tội, tương tự với các BLHS trước đó như Điều 165 (Tội xâm phạm bình đẳng giới), Điều 316 (Tội phá thai trái phép), Chương VII (Các tội xâm

²⁹ Trường Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 42.

phạm chế độ hôn nhân gia đình) mà đối tượng được bảo vệ chủ yếu là phụ nữ và trẻ em. Ngoài ra, BLHS năm 2015 lần đầu tiên tội phạm hoá hành vi tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại tại Điều 187 nhằm bảo vệ quyền làm mẹ của phụ nữ cũng như xử lý với các hành vi lợi dụng thiên chức làm mẹ của phụ nữ để trục lợi.

Đối với “người dưới 16 tuổi” là tình tiết định tội và tình tiết định khung tăng nặng trong nhiều cấu thành tội phạm hoặc trẻ em dưới 07 ngày tuổi là tình tiết định tội của Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ (Điều 124)... Quyền an toàn tình dục của trẻ em được bảo vệ rất cụ thể trong BLHS năm 2015, bằng cách tội phạm hoá các hành vi như thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác; sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm...

Bên cạnh đó, những hành vi xâm hại trực tiếp đến quyền của người khuyết tật như quyền được bảo vệ sức khỏe, an toàn về tình dục... cũng được BLHS bảo vệ khi quy định hành vi phạm tội đối với người khuyết tật là tình tiết định tội như tại điểm c khoản 1 Điều 134; thủ đoạn lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân (khoản 1 Điều 141; điểm a khoản 1 Điều 142; Điều 172); hoặc để bảo vệ những quyền cơ bản của người cao tuổi, phạm tội đối với người già yếu có thể là tình tiết định tội (điểm c khoản 1 Điều 134). Bên cạnh là tình tiết định tội, hành vi phạm tội đối với người dễ bị tổn thương còn có thể là tình tiết định khung tăng nặng của nhiều cấu thành tội phạm khác nhau.

Đối với người dễ bị tổn thương là người phạm tội, ngay từ Điều 3 - Nguyên tắc xử lý, BLHS năm 2015 đã quy định rõ: “*Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không*

phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội”. Tuy nhiên, việc xử lý người phạm tội phải cân nhắc đến các yếu tố đặc biệt về tâm lý, độ tuổi, giới tính, tình trạng bệnh tật. Theo đó, tại Điều 51 BLHS năm 2015 quy định một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với một số nhóm người dễ bị tổn thương như: người phạm tội là phụ nữ có thai; người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên; người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng; người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình³⁰.

Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đối với 28 tội quy định tại khoản 2 Điều 12 và người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự đầy đủ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 1 Điều 12). Đặc biệt, đối với người chưa thành niên là người phạm tội, BLHS năm 2015 quy định tại một chương riêng (Chương XII). Quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội với những nguyên tắc và các nội dung nhân đạo hơn so với người từ đủ 18 tuổi phạm tội, bổ sung các biện pháp giám sát, giáo dục áp dụng với người dưới 18 tuổi trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự. Những nội dung này đã được kế thừa và phát triển trong Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

³⁰ Hoàng Minh Đức, Nguyễn Phan Trung Anh (2018), “Bảo đảm quyền của người yếu thế trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghề luật*, số 5, tr. 15.

Ngoài tuổi chịu trách nhiệm hình sự, năng lực trách nhiệm hình sự cũng là điều kiện khi xem xét một cá nhân có đủ điều kiện là chủ thể của tội phạm. Theo đó, người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi khi thực hiện hành vi phạm tội thì không phải chịu trách nhiệm hình sự hoặc được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Bên cạnh đó, các quy định về hình phạt – biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước cũng thể hiện tinh thần bảo vệ nhóm người dễ bị tổn thương. Cụ thể, đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng với phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người mắc bệnh hiểm nghèo hoặc người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng (khoản 4 Điều 36). Đặc biệt đối với hình phạt tử hình, là hình phạt nghiêm khắc nhất tước đi quyền sống của con người, BLHS năm 2015 tại Điều 40 quy định không áp dụng hoặc thi hành hình phạt này với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người đủ 75 tuổi trở lên hoặc người mắc bệnh ung thư giai đoạn cuối.

Ngoài ra, BLHS năm 2015 quy định về miễn trách nhiệm hình sự hoặc một số chế định liên quan đến chấp hành hình phạt như miễn chấp hành hình phạt, giảm mức hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện, hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù... đều có những nội dung có lợi hơn cho nhóm người dễ bị tổn thương như người già, người khuyết tật, người nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS...

5. Một số định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự nhằm bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương trong kỉ nguyên mới

Kỉ nguyên mới là khoảng thời gian đất nước, dân tộc phải vươn lên mãnh liệt, phấn đấu thực hiện thành công những mục tiêu chiến lược, tạo sự phát triển vượt bậc ở một tầm cao mới, trình độ mới, chất lượng mới, xác lập vị thế quốc gia trên trường quốc tế, tạo nền tảng cho bước phát triển đột phá kế tiếp³¹. Để đạt được kết quả này, cần có những đột phá về tư duy, nhận thức; trong đó, tư duy về pháp luật cũng cần có những sự thay đổi và pháp luật hình sự cũng không ngoại lệ. Bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương, đặc biệt đặt trong bối cảnh thế giới và tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức, với sự đe dọa của các nguy cơ phi truyền thống, các xung đột thương mại, chiến tranh leo thang, sự phát triển từng ngày, từng giờ của khoa học công nghệ, chuyển đổi số... cũng càng trở nên thách thức, trong đó có nhóm người dễ bị tổn thương. Mặc dù đạt được nhiều kết quả nhất định trong việc bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương, pháp luật hình sự Việt Nam vẫn còn một số hạn chế nhất định như chưa có sự thống nhất với các luật chuyên biệt dành riêng cho nhóm người dễ bị tổn thương; một số khái niệm và nội dung trong quy định pháp luật chưa đảm bảo tương thích với pháp luật quốc tế. Ngoài ra, với sự phát triển của khoa học và công nghệ,

³¹ Phùng Hữu Phú (2025), *Kỉ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử*, https://tapchi.congsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su, truy cập 22/4/2025.

đặc biệt trong kỉ nguyên số, pháp luật hình sự Việt Nam chưa nhận diện được những nguy cơ cũng như có những biện pháp phù hợp bảo vệ người dễ bị tổn thương...

Do đó, pháp luật hình sự với vai trò là một trong những biện pháp của nhà nước bảo vệ người dễ bị tổn thương khi họ là nạn nhân của tội phạm và cả khi họ là người phạm tội, cần được:

- Rà soát và hoàn thiện các quy định về bảo vệ người dễ bị tổn thương, đảm bảo sự thống nhất giữa luật hình sự và các luật riêng biệt quy định đối với nhóm người dễ bị tổn thương như Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, Luật Trẻ em năm 2016, Luật Người khuyết tật năm 2010, Luật Người cao tuổi năm 2009, Luật Bình đẳng giới năm 2006... Tại Nghị quyết số 27-NQ-TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã đề ra mục tiêu: *“Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân”*. Việc rà soát luật nhằm hạn chế các xung đột pháp luật, đảm bảo tối đa quyền và lợi ích cho người dễ bị tổn thương trước các hành vi nguy hiểm bị một số luật cấm nhưng chưa được ghi nhận trong BLHS như hành vi lợi dụng trẻ em để trục lợi trong Luật Trẻ em năm 2016 hoặc hành vi phân biệt đối xử

trong các luật về trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi³²... Chính vì vậy, cần cân nhắc tội phạm hoá các hành vi trên trong BLHS hoặc lựa chọn mở rộng nguồn của luật hình sự, cân nhắc xây dựng các cấu thành tội phạm – những quy phạm pháp luật cấm trong hệ thống luật chuyên ngành. Hiện nay xu hướng mở rộng nguồn của luật hình sự đang là xu thế chung³³. Một số quốc gia có những quy định riêng liên quan đến các hành vi phạm tội với trẻ em như tại Malaysia có Luật Tội phạm tình dục trẻ em năm 2017; hay tại Philippines có Luật Chống khiêu dâm trẻ em năm 2009; tại Campuchia có Luật Ngăn chặn Buôn bán người và Bóc lột tình dục năm 2008... Đối với nạn nhân của tội phạm, hiện nay nhiều quốc gia đã ban hành luật hỗ trợ nạn nhân nhằm mục đích giảm thiểu vị thế bất lợi của nạn nhân, hạn chế việc họ bị nạn nhân hoá thêm lần nữa như Phần Lan, Thụy Điển, Úc, Anh, Canada, Thụy Sĩ³⁴. Cụ thể hơn, Canada có Đạo luật về Nạn nhân của tội phạm, Đạo luật hỗ trợ nạn nhân của tội phạm hay Anh có Luật Nạn nhân của tội phạm năm 2006. Do đó, trong thời gian tới, Việt Nam cần nghiên cứu mở

³² Xem: Điều 8 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016; điểm 1 Điều 14 Luật Người khuyết tật; điểm 1 Điều 9 Luật Người cao tuổi năm 2009.

³³ Lê Thị Diễm Hằng (2018), *“Nguồn quy định về tội phạm - So sánh Việt Nam và một số nước trên thế giới”*, Đề tài khoa học cấp cơ sở “Một số vấn đề chung của Luật hình sự so sánh”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 107.

³⁴ Nguyễn Hải Yên (2021), *“Pháp luật tư pháp hình sự của một số quốc gia về bảo vệ phụ nữ”*, Đề tài khoa học cấp cơ sở “Bảo vệ phụ nữ bằng hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam”, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 165.

rộng nguồn của luật hình sự, trong đó có các điều luật quy định về tội phạm và hình phạt áp dụng cho người dễ bị tổn thương.

- Đảm bảo pháp luật hình sự cũng như hệ thống luật riêng bảo vệ người dễ bị tổn thương phù hợp với các chuẩn mực quốc tế cũng như pháp luật một số quốc gia phát triển. Sự ra đời của Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới là quyết sách đột phá, đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong quá trình hội nhập của đất nước với việc định vị hội nhập quốc tế là động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỉ nguyên mới³⁵. Do đó, Việt Nam cần nghiên cứu các văn kiện pháp lí quốc tế, liên quan đến người dễ bị tổn thương, làm cơ sở để rà soát quy định pháp luật, đặc biệt pháp luật hình sự, như hình phạt và trách nhiệm hình sự, các biện pháp xử lí chuyển hướng cho người dễ bị tổn thương là người phạm tội, tội phạm hoá các hành vi xâm phạm quyền của họ... Một số nội dung cụ thể có thể cân nhắc như sửa khái niệm trẻ em hay người cao tuổi tương đương với chuẩn mực quốc tế (trẻ em là người dưới 18 tuổi; người cao tuổi là người từ đủ 65 tuổi trở lên; đồng thời thống nhất thuật ngữ được sử dụng trong luật như người cao tuổi thay thế cho người già/người già yếu; người chưa thành niên thay thế cho người dưới 18 tuổi) hoặc tội phạm hoá một số hành vi theo khuyến nghị của các tổ chức nhân quyền quốc tế như hành vi hiếp dâm trong hôn nhân hoặc hành vi quấy rối tình dục hoặc

mua bán người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi cũng là hành vi mua bán trẻ em...

- Nhận diện các nguy cơ cũng như áp dụng các tiến bộ của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đối với người dễ bị tổn thương trong pháp luật hình sự. Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định “*tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn nhân lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân...*”. Trong thời đại công nghệ số, người dễ bị tổn thương dễ trở thành nạn nhân của tội phạm như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, buôn bán người... Đồng thời, việc áp dụng khoa học công nghệ trong pháp luật hình sự là cần thiết nhằm bảo vệ tối đa quyền của người dễ bị tổn thương. Do đó, nghiên cứu ứng dụng thành tựu của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số vào pháp luật hình sự là cần thiết. Trong thời gian tới cũng cần chú trọng trong biện pháp giám sát điện tử thay thế hình phạt tù, sử dụng trí tuệ nhân tạo để dự đoán về khả năng tái phạm hoặc lựa chọn hình phạt³⁶... Đồng thời, cũng nhận diện các nguy cơ, thậm chí tội phạm hoá các hành vi sử dụng công nghệ để phạm tội đối với nhóm người dễ bị tổn thương như hành vi

³⁵ Tô Lâm (2025), *Vươn mình trong kỉ nguyên hội nhập quốc tế đầy thách thức*, <https://tuoitre.vn/vuon-minh-trong-ky-nguyen-hoi-nhap-quoc-te-day-thach-thuc-20250403094203634.htm>, truy cập 22/4/2025.

³⁶ Hoàng Thị Huyền Trang, Nguyễn Đức Hà (2023), *Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm*, <https://kiemsat.vn/tac-dong-cua-tri-tue-nhan-tao-ai-trong-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-67447.html>, truy cập 22/4/2025.

kết thân để lạm dụng tình dục trẻ em³⁷ hoặc hành vi gạ gẫm, dụ dỗ nhằm mục đích thực hiện tội phạm tình dục đối với trẻ em³⁸; lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng đối với người dễ bị tổn thương...

Kết luận

Nghị quyết số 66-NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ chính trị đã xác định công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” khi hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới. Bên cạnh tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, pháp luật cũng cần giữ gìn những truyền thống tốt đẹp, là bản sắc của dân tộc Việt Nam. Đó cũng là yêu cầu của pháp luật hình sự Việt Nam trong việc bảo đảm và bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương, khi họ là nạn nhân của tội phạm hoặc người phạm tội; qua đó góp phần thể hiện chính sách hình sự nhân đạo, đề cao quyền con người - đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cơ sở tiếp cận lịch sử bài viết đánh giá pháp luật hình sự Việt Nam, trải qua một chiều dài lịch sử đã có sự tiếp thu và phát triển các quy định bảo vệ quyền của người dễ bị tổn thương, chỉ ra các hạn chế, đồng thời đề xuất một số định hướng lớn nhằm nâng cao hiệu quả hoàn thiện pháp luật hình sự bảo vệ quyền của nhóm người này trên cơ sở các nghị quyết trụ cột định hướng phát triển đất nước trong kỉ nguyên mới./.

³⁷ Điều 23 Công ước của Hội đồng châu Âu về bảo vệ trẻ em khỏi bị bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục (Công ước Lanzarote) cho rằng các quốc gia cần tội phạm hoá hành vi một người đã thành niên, thông qua công nghệ thông tin, có ý đề xuất gặp mặt một trẻ em chưa đến tuổi đồng thuận tình dục.

³⁸ Điều 15 Công ước Liên hợp quốc về tội phạm mạng (Công ước Hà Nội).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Quyên (2013), *Tội hiếp dâm - So sánh giữa Bộ luật Hình sự Việt Nam và Bộ luật Hình sự một số nước*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
2. Đặng Công Thành, Nguyễn Quang Bình (2024), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ở Việt Nam*, <https://tcnn.vn/news/detail/63115/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-Nha-nuoc-cua-Nhan-dan-do-Nhan-dan-va-vi-Nhan-dan-o-Viet-Nam.html>
3. Hoàng Minh Đức, Nguyễn Phan Trung Anh (2018), “Bảo đảm quyền của người yếu thế trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghề luật*, số 5.
4. Hoàng Thị Huyền Trang, Nguyễn Đức Hà (2023), *Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm*, <https://kiemsat.vn/tac-dong-cua-tri-tue-nhan-tao-ai-trong-cong-tac-dau-tranh-phong-chong-toi-pham-67447.htm>
5. Hội Luật gia Việt Nam (2017), *Luật hình triều Lê - Những giá trị nhân văn*, Nxb. Hồng Đức.
6. Lê Cẩm (chủ biên) (2018), *Pháp luật hình sự Việt Nam từ thế kỉ X đến nay - Lịch sử và thực tại* (Sách chuyên khảo), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Lê Thị Diễm Hằng (2018), “*Nguồn quy định về tội phạm - So sánh Việt Nam và một số nước trên thế giới*”, Đề tài khoa học cấp cơ sở: Một số vấn đề chung của Luật hình sự so sánh, Trường Đại học Luật Hà Nội.
8. Lê Thị Diễm Hằng (2023), *Bảo vệ người dễ bị tổn thương bằng pháp luật hình sự*

- Việt Nam, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
9. Lương Văn Tuấn (2012), “Kế thừa các quy định tiến bộ, nhân văn đối với những người bị thiệt thòi trong Quốc triều hình luật”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 3(211).
 10. Nguyễn Hải Yến (2021), “Pháp luật tư pháp hình sự của một số quốc gia về bảo vệ phụ nữ”, Đề tài khoa học cấp cơ sở “Bảo vệ phụ nữ bằng hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam”, Trường Đại học Luật Hà Nội.
 11. Phùng Hữu Phú (2025), *Kỉ nguyên vươn mình của dân tộc và những yêu cầu lịch sử*, [https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-va-nhung-yeu-cau-lich-su](https://tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie)
 12. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự*, Hà Nội.
 13. Tô Lâm (2024), *Một số nội dung cơ bản về kỉ nguyên mới, kỉ nguyên vươn mình của dân tộc; những định hướng chiến lược đưa đất nước bước vào kỉ nguyên mới, kỉ nguyên vươn mình của dân tộc*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-ky-nguyen-phat-trien-giau-manh-duoi-su-lanh-dao-cam-quyen-cua-dang-cong-san-xay-dung-thanh-cong-nuoc-vie
 14. Tô Lâm (2025), *Vươn mình trong kỉ nguyên hội nhập quốc tế đầy thách thức*, <https://tuoi-tre.vn/vuon-minh-trong-ky-nguyen-hoi-nhap-quoc-te-day-thach-thuc-20250403094203634.htm>
 15. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia.
 16. Trường Đại học Luật Hà Nội (2024), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
 17. Vũ Thị Phụng (2020), *Bảo vệ quyền con người của trẻ em bằng pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

BÀN VỀ CƠ SỞ CỦA TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ (tiếp theo trang 55)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Cẩm (2000), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, Tập III, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
2. Lê Thị Sơn (1997), “Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 5.
3. Nguyễn Ngọc Hoà (2004), *Cấu thành tội phạm - Lí luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
4. Nguyễn Ngọc Hoà (2005), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
5. Trường Đại học luật Hà Nội (1997), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
8. Trịnh Tiến Việt (2021), *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
9. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.